

Bản án số: 74/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 20/11/2019
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Minh Tặng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST - HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2019/QĐXX- ST ngày 08/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đ T T

Trú tại: Thôn Y H, xã H T, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ M B

Trú tại: Thôn H, xã H T, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/8/2019 và bản tự khai ngày 18/10/2019 của nguyên đơn Đ T T trình bày giữa chị và anh Đ M B đã đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H T, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 03 người con. Sau đó hai vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 03 người con chung là cháu Đ N K L, sinh ngày 25/10/2008, cháu Đ T T, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Đ L H sinh ngày 19/12/2013. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị T là được nuôi dưỡng các con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 700.000đ/1 tháng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Khoản vay chung: Về khoản vay 33.000.000 đ mà chị T kê khai vay của ngân hàng C tại món vay số 660000716020851 ngày 19/8/2019 do chị đứng tên vay anh B là người thừa kế, nếu ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người chịu trách nhiệm trả một nửa cho Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện ngân hàng C huyện M H: Chị T và anh B vay vốn tại ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 33.000.000đ vào ngày 19/8/2019, mục đích vay vốn chăn nuôi heo, bò sinh sản. Yêu cầu chị T và anh B có trách nhiệm thanh toán nợ cho ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập anh B nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được anh B có hộ khẩu thường trú tại thôn Thôn Yên Hòa, xã H T, huyện M H, tỉnh Q B, hiện tại anh đang có mặt tại nơi cư trú. Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và đã nhận được các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh B vẫn cố tình dẫu địa chỉ không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị T và anh B. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh B vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh B vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đ T T và anh Đ M B đã đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H T, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của chị T xin được ly

hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ T T được ly hôn với anh Đ M B.

[2] Về con chung: Xét thấy nguyện vọng của chị T là hợp lý, vì hiện nay các con đang ở với chị T, mặt khác các cháu có nguyện vọng xin được ở với chị nếu bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị Đ T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ N K L, sinh ngày 25/10/2008; cháu Đ T T, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Đ L H sinh ngày 19/12/2013. Xử buộc anh Đ M B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu một tháng là 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng), tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh B phải đóng góp là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) một tháng cho đến khi cháu Đ N K L, cháu Đ T T và cháu Đ L H tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Khoản vay chung: Hội đồng xét xử nhận định chị T và anh B vay vốn tại ngân hàng C huyện M H tại món vay số: 660000716020851 ngày 19/8/2019 số tiền 33.000.000đ. Hội đồng xét xử nhận định đây là khoản vay chung chị T đứng tên vay còn anh B là người thừa kế, căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình chị T và anh B phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, do đó cần tuyên xử buộc chị Đ T T có trách nhiệm trả số tiền 16.500.000đ và lãi phát sinh cho ngân hàng C huyện M H. Anh Đ M B có nghĩa vụ trả cho ngân hàng C huyện M H số tiền 16.500.000đ và lãi phát sinh.

[5] Án phí: Chị Đ T T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004192 ngày 23/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Đ M B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đ T T được ly hôn với anh Đ M B.

2. Về con chung: Xử giao chị Đ T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ N K L, sinh ngày 25/10/2008; cháu Đ T T, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Đ L H, sinh ngày 19/12/2013. Xử buộc anh Đ M B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu một tháng là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), tổng số tiền cấp

dưỡng nuôi con mà anh B phải đóng góp là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) một tháng cho đến khi cháu Đ N K L, cháu Đ T T và cháu Đ L H tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 12/2019. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về khoản vay chung: Xử buộc chị Đ T T có trách nhiệm trả số tiền 16.500.000đ và lãi phát sinh cho ngân hàng C huyện M H. Xử buộc anh Đ M B có nghĩa vụ trả cho ngân hàng C huyện M H số tiền 16.500.000đ và lãi phát sinh.

4. Về án phí: Chị Đ T T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004192 ngày 23/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Đ M B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/11/2019), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại UBND xã H T để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã H T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

